



MỘT SỐ THÀNH TỰU NỔI BẬT CỦA NHÀ KHOA HỌC NỮ ĐẠI HỌC HUẾ GIAI ĐOẠN 2012-2025 LÀM TIỀN ĐỀ CHO SỰ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH MỚI

Võ Trần Ngọc Minh^{1,2}, Nguyễn Đình Phương³, Nguyễn Hoàng Anh²

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 32 Lê Lợi, Huế, Việt Nam

²Văn phòng Đảng và Đoàn thể Đại học Huế, 3 Lê Lợi, Huế, Việt Nam

³Văn phòng Đại học Huế, 3 Lê Lợi, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: **Võ Trần Ngọc Minh** <vtngocminh@hueui.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 03-10-2025; Ngày chấp nhận đăng: 29-06-2026)

Tóm tắt: Bài viết phân tích một số thành tựu nổi bật của đội ngũ nhà khoa học nữ tại Đại học Huế giai đoạn 2012-2025 trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học, phát triển khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế. Trên cơ sở tiếp cận liên ngành và tổng hợp tư liệu từ các báo cáo khoa học, công trình nghiên cứu, tài liệu thứ cấp của Đại học Huế, nghiên cứu đã làm rõ một số thành tựu nổi bật của nhà khoa học nữ tại Đại học Huế giai đoạn 2012-2025 trên các phương diện sự phát triển đội ngũ, kết quả đạt được trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo cũng như các chính sách hỗ trợ của Đại học Huế. Trên cơ sở đó, bài viết chỉ ra những hạn chế và đề xuất một số định hướng nhằm phát huy hơn nữa tiềm năng của đội ngũ nhà khoa học nữ cho sự phát triển giáo dục đại học trong bối cảnh mới.

Từ khóa: nhà khoa học nữ, khoa học và công nghệ, giáo dục đại học, Đại học Huế

SOME OUTSTANDING ACHIEVEMENTS OF FEMALE SCIENTISTS AT HUE UNIVERSITY DURING THE 2012-2025 PERIOD AS A FOUNDATION FOR THE DEVELOPMENT OF HIGHER EDUCATION IN THE NEW CONTEXT

Vo Tran Ngoc Minh^{1 2}, Nguyen Dinh Phuong³, Nguyen Hoang Anh²

¹ University of Education, Hue University, 32 Le Loi Street, Hue, Vietnam

² Office of the Party Committee and Mass Organizations, Hue University,
3 Le Loi Street, Hue, Vietnam

³ Office of Hue University, 3 Le Loi Street, Hue, Vietnam

*Corresponding author: **Vo Tran Ngoc Minh** <vtminh@hueuni.edu.vn>

(Received: October 03, 2025; Accepted: June 29, 2026)

Abstract: This article analyzes the most outstanding achievements of female scientists at Hue University during the 2012-2025 period in the context of higher education reform, the development of science and technology, innovation, and international integration. Based on an interdisciplinary approach and the synthesis of materials from scientific reports, research works, and secondary documents of Hue University, the article focuses on examining these outstanding achievements in terms of professional development; achievements in research, technology transfer, and innovation, which serves identifying possible obstacles and proposing suggestions to further promote the potential of female scientists for the development of higher education in the emerging context.

Keywords: female scientists, science and technology, higher education, Hue University

1. Đặt vấn đề

Đội ngũ nhà khoa học nữ Việt Nam là những người được đào tạo bài bản, có kiến thức sâu rộng về một lĩnh vực, chuyên ngành nào đó, có trình độ, vị trí khoa học. Cùng với sự phát triển của đất nước, đội ngũ nhà khoa học nữ đã có những đóng góp không nhỏ trên các lĩnh vực từ giáo dục – đào tạo đến công nghệ số, kỹ thuật quốc phòng, khoa học sự sống... Trong lĩnh vực khoa học – công nghệ, số lượng phụ nữ chiếm tỷ lệ khá cao, khoảng hơn 42% [14]. Với truyền thống xây dựng và phát triển gần 70 năm (1957) và tái thành lập với mô hình Đại học vùng hơn 30 năm (1994, Đại học Huế là trung tâm giáo dục đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực chất

lượng cao, ngày càng khẳng định vị trí, uy tín và thương hiệu của mình trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và thế giới. Số lượng nhà khoa học nữ chiếm một tỷ trọng không nhỏ trong đội ngũ nhà khoa học, có những đóng góp quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển Đại học Huế. Trong giai đoạn 2012-2025, đội ngũ nhà khoa học nữ Đại học Huế đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật trong giáo dục đại học, khoa học và công nghệ, có ảnh hưởng quan trọng đến thành phố Huế, vùng và quốc gia. Đây chính là những tiền đề quan trọng để đội ngũ nữ nhà khoa học phát huy hơn nữa tiềm năng trong công tác khoa học, công nghệ (KH-CN) trong bối cảnh Đại học Huế thực hiện chủ trương phát triển thành Đại học Quốc gia theo tinh thần Nghị quyết 54-NQ/TW (2019) [4], cũng như việc thực hiện đột phá phát triển KH-CN, đổi mới sáng tạo (ĐMST) và chuyển đổi số (CĐS) quốc gia của Nghị quyết 57-NQ/TW (2024) [5] và đột phá phát triển giáo dục và đào tạo của Nghị quyết 71-NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị [6].

Mặc dù đã có những nghiên cứu đề cập đến vai trò của đội ngũ nhà khoa học nữ trong hoạt động KH-CN ở phạm vi quốc gia, song các nghiên cứu tập trung chuyên sâu vào đóng góp của nhà khoa học nữ tại một cơ sở giáo dục đại học lớn như Đại học Huế còn hạn chế. Khoảng trống này đặt ra yêu cầu cần có những khảo cứu cụ thể, dựa trên số liệu và minh chứng thực tiễn, nhằm làm rõ hơn vai trò, thành tựu cũng như những khó khăn, thách thức mà đội ngũ nữ khoa học đang đối mặt trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học và phát triển khoa học công nghệ. Xuất phát từ yêu cầu trên, bài báo hướng đến các mục tiêu: (i) làm rõ những thành tựu nổi bật của nữ nhà khoa học Đại học Huế trong lĩnh vực KH-CN; (ii) chỉ ra một số khó khăn, thách thức và đề xuất một số định hướng nhằm phát huy vai trò và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ của đội ngũ này trong giai đoạn tới.

2. Cơ sở lý luận và tổng quan vấn đề nghiên cứu

2.1. Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khoa học công nghệ

Khoa học và công nghệ có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của mỗi quốc gia. Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế khẳng định: “Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp. Sự lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước và tài năng, tâm huyết của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đóng vai trò quyết định thành công của sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ” [2].

Nghị quyết 57-NQ/TW (2024) của Bộ Chính trị tiếp tục nhấn mạnh: “Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới

phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế – xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới” [5].

2.2. Khoa học – công nghệ và tầm quan trọng đối với giáo dục đại học

Nghiên cứu khoa học là chức năng cốt lõi cấu thành bản chất của giáo dục đại học hiện đại. Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học (2018), “các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, hoạt động khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng” [9]. Điều này phản ánh rõ quan điểm coi nghiên cứu KHCN là thành tố hữu cơ của quá trình giáo dục đại học. Nghị định số 109/2022/NĐ-CP quy định về hoạt động KHCN trong cơ sở giáo dục đại học nêu rõ: “Hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học là hoạt động nghiên cứu khoa học, nghiên cứu và triển khai thực nghiệm, ứng dụng công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, phát huy sáng kiến và các hoạt động sáng tạo khác nhằm phát triển khoa học và công nghệ gắn kết với đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần phát triển kinh tế – xã hội của đất nước” [11].

Nghị quyết 71-NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị xác định mục tiêu: “Nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng. Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của các vùng và địa phương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu các ngành, lĩnh vực trọng điểm” [6]. Như vậy các cơ sở giáo dục đại học chính là trung tâm KHCN và ĐMST, có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đào tạo các nhà khoa học của các ngành, các lĩnh vực trọng điểm phục vụ đất nước.

2.3. Vai trò, vị thế của nhà khoa học nữ

Nhà khoa học nữ, theo nghĩa rộng là những phụ nữ có trình độ học vấn từ đại học trở lên, hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng KHCN. Họ là lực lượng quan trọng, vừa góp phần phát triển tri thức, vừa trực tiếp tham gia vào quá trình đổi mới và sáng tạo. Trong các văn kiện của Đảng, khái niệm “nhà khoa học nữ” không được định nghĩa trực tiếp như một thuật ngữ độc lập, nhưng được đề cập trong tổng thể: Quan điểm về đội ngũ trí thức khoa học và công nghệ (bao gồm cả nữ) trong Nghị quyết 27-NQ/TW (2008) của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước xác định: “Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội” [1]. Quan điểm về vai trò phụ nữ trong Nghị quyết 11-NQ/TW (2007) của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhấn mạnh: “Phát huy vai trò, tiềm năng to lớn của phụ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao địa vị phụ nữ,

thực hiện bình đẳng giới trên mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội là một trong những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới” [3].

Kế thừa chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trước đó, Chính phủ đã có Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 ban hành chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 với mục tiêu “Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước” [10]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022) đã ban hành Kế hoạch hành động vì sự tiến bộ phụ nữ và bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 với nhiệm vụ: “Tạo cơ chế để giảng viên, nhà khoa học nữ phát triển nghiên cứu khoa học, công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học; ưu tiên cho nghiên cứu ứng dụng. Kết hợp giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ tạo ra sản phẩm trí tuệ, sáng tạo của Việt Nam” [7].

3. Phương pháp nghiên cứu và cách thức tiếp cận

3.1. Cách thức tiếp cận

Bài báo tiếp cận theo hướng mô tả, phân tích kết hợp với so sánh, tổng hợp, nhằm làm rõ vai trò và đóng góp của đội ngũ nhà khoa học nữ của Đại học Huế trong nghiên cứu KHCN, ĐMST. Tiếp cận giới được lồng ghép trong toàn bộ phân tích để bảo đảm phản ánh đúng vai trò đặc thù của lực lượng nữ trí thức.

3.2. Nguồn dữ liệu

Dữ liệu được thu thập chủ yếu từ: Tài liệu thứ cấp: các văn bản chỉ đạo, nghị quyết, báo cáo tổng kết của Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, cũng như của Đại học Huế trong giai đoạn 2012-2025; phỏng vấn nhân chứng, tư liệu điền dã...

Số liệu thống kê chính thức: về nhân sự, công bố khoa học, đề tài nghiên cứu, sở hữu trí tuệ, hoạt động chuyển giao công nghệ, học liệu số của Đại học Huế.

Nguồn công khai: website Đại học Huế, các tạp chí khoa học có công bố liên quan đến nhà khoa học nữ Đại học Huế.

3.3. Phương pháp xử lý và phân tích

Thống kê mô tả: dùng để lượng hóa quy mô, cơ cấu và kết quả hoạt động của đội ngũ nữ trí thức.

Phân tích so sánh: đối chiếu sự thay đổi theo thời gian, giữa các lĩnh vực hoặc đơn vị trực thuộc.

Tổng hợp, suy luận logic: từ dữ liệu và minh chứng để khái quát vai trò, rút ra nhận xét, xác định thuận lợi, khó khăn, từ đó đề xuất giải pháp.

3.4. Phạm vi nghiên cứu

Không gian: tập trung vào Đại học Huế, bao gồm các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc và đơn vị thuộc Đại học Huế.

Thời gian: chủ yếu giai đoạn 2012-2025, tương ứng với quá trình thực hiện nhiều chương trình KHCN, ĐMST tại Đại học Huế.

Đối tượng: nhà khoa học nữ có trình độ đại học trở lên, tham gia hoạt động nghiên cứu KHCN trong hệ thống Đại học Huế.

4. Kết quả và bàn luận

4.1. Sự phát triển đội ngũ nhà khoa học nữ Đại học Huế

Đội ngũ nhà khoa học nữ Đại học Huế được thừa hưởng môi trường học thuật lâu đời, với bề dày truyền thống đào tạo và nghiên cứu khoa học của một trung tâm giáo dục – đào tạo lớn của cả nước. Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Huế đã đánh giá: “Nữ giảng viên Đại học Huế năng động, say mê nghiên cứu khoa học, thường xuyên tự học, tự nghiên cứu về chuyên môn, ngoại ngữ, đoàn kết phát huy sức mạnh tập thể, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Nhiều nữ nhà giáo đã nỗ lực phấn đấu, trở thành những nhà giáo ưu tú, giáo viên giỏi, chiến sỹ thi đua các cấp, nhà khoa học đầu ngành, đạt thành tích cao trong nghiên cứu khoa học trong các cuộc thi tài năng, các giải thưởng lớn dành cho phụ nữ” [25].

Trong quá trình xây dựng và phát triển Đại học Huế, đội ngũ nhà khoa học nữ phát triển cả về số lượng và chất lượng. Bên cạnh đó, đội ngũ nhà khoa học nữ Đại học Huế đã nỗ lực phấn đấu, nêu cao ý thức tự học, tự bồi dưỡng nhằm chuẩn hóa đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Nhiều nữ giảng viên đã theo học các chương trình đào tạo tiến sĩ (TS), thạc sĩ (ThS) trong nước và nước ngoài, được khen thưởng bảo vệ luận án trước 35 tuổi, được công nhận chức danh Phó Giáo sư (PGS) trước 40 tuổi [18]. Trong thời gian gần đây, nhà khoa học nữ đạt chức danh PGS có xu hướng trẻ hóa. Cụ thể từ năm 2023 đến năm 2025, có 06 nữ nhà giáo Đại học Huế đạt tiêu chuẩn chức danh PGS trước 40 tuổi¹.

¹ Năm 2023: PGS Trần Thị Ngọc Ánh (sinh năm 1986), PGS Nguyễn Thị Ngọc Bé (sinh năm 1986), Trường ĐH Sư phạm, PGS Nguyễn Đăng Giảng Châu (sinh năm 1985, Trường ĐH Khoa học); Năm 2024: PGS. TS Đinh Quý Hương (sinh năm 1986, Trường Đại học Sư phạm). Năm 2025: PGS Nguyễn Thị Thanh Bình và PGS Nguyễn Thị Thùy Dương, Trường Đại học Y Dược.

Bảng 1. Số liệu nữ viên chức, người lao động (VC, NLĐ) Đại học Huế

STT	Năm	Tổng số VC, NLĐ	Số VC, NLĐ nữ	Tỷ lệ nữ	GS	PGS	TS	ThS
1	2012	3348	1635	49,8%	0	22	57	391
2	2016	3860	2056	53,2%	0	37	151	735
3	2019	3796	2031	53,5%	0	51	141	841
4	2025	3701	2159	58,3%	02	73	359	927

Nguồn: [15,22]

Qua bảng số liệu, có thể thấy tỷ lệ nữ VC, NLĐ tại Đại học Huế đã tăng dần qua các năm: Năm 2012: 49,8% (1.635/3.348 người); Năm 2016: 53,2% (2.056/3.860 người); Năm 2025: 58,3% (2.159/3701 người). Điều này cho thấy số lượng và tỷ lệ nữ giới làm việc tại Đại học Huế ngày càng tăng lên đáng kể, vượt qua tỷ lệ nam giới.

Về trình độ chuyên môn của nữ giới, số lượng nhà khoa học nữ có trình độ cao (PGS, TS, ThS) tăng vượt bậc qua các năm trong giai đoạn 2012-2025. Cụ thể nữ PGS: Từ 22 (năm 2012) lên 72 (năm 2025), tăng 3,27 lần; nữ TS: Từ 57 (năm 2012) lên 352 (năm 2025), tăng hơn 61 lần; nữ Th.S: Từ 391 (năm 2012) lên 928 (năm 2025) tăng 2,37 lần so với năm 2012. Đặc biệt, hiện nay Đại học Huế có 2 nữ Giáo sư. Tính đến tháng 12/2025, Đại học Huế có số lượng nữ trong tổng số đội ngũ nhà khoa học của Đại học Huế: tỷ lệ nữ có học vị thạc sĩ: 1045/1983, chiếm 52,69%; tỷ lệ nữ có học vị tiến sĩ: 359/861, chiếm 41,69%; tỷ lệ nữ có học hàm PGS: 73/240, chiếm tỷ lệ 30,41%; tỷ lệ nữ có học hàm GS: 2/18 chiếm tỷ lệ 11,11% [22]. Theo Chính phủ (2021) về chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tỷ lệ nữ thạc sĩ trong tổng số người đào tạo thạc sĩ đạt không dưới 50% [10]; tỷ lệ nữ tiến sĩ trong tổng số người đào tạo tiến sĩ đạt 30% vào năm 2025 và 35% vào năm 2030. Như vậy, sự phát triển đội ngũ nhà khoa học nữ có trình độ Th.S, TS trong Đại học Huế đã vượt chỉ tiêu do Chính phủ đề ra.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2012-2025, đội ngũ nhà khoa học nữ Đại học Huế đã có những bước phát triển tích cực về số lượng và chất lượng, trình độ chuyên môn ngày càng được nâng cao. Số lượng nữ đạt danh hiệu PGS, TS, ThS tăng lên nhanh chóng. Sự gia tăng này thể hiện sự trưởng thành của đội ngũ nhà khoa học nữ Đại học Huế, góp phần quan trọng cho sự nghiệp đào tạo và nghiên cứu khoa học của Đại học Huế. Đây là một xu hướng tích cực, phản ánh sự bình đẳng giới và sự phát triển của đội ngũ nhà khoa học nữ Việt Nam, đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

4.2. Một số thành tựu nổi bật về nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

4.2.1. Thành tựu trong nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế

Trong giai đoạn 2012-2025, đội ngũ nữ nhà khoa học Đại học Huế đã khẳng định vai trò quan trọng trong hoạt động nghiên cứu KHCN. Nhiều nữ giảng viên, nhà nghiên cứu giữ vai trò chủ nhiệm đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước. Các lĩnh vực nghiên cứu gồm: Khoa học sức khỏe và y sinh; nông nghiệp; công nghệ sinh học; khoa học môi trường và khoa học xã hội nhân văn. Tỷ lệ nhà khoa học nữ đã đảm nhận vai trò chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ các cấp ngày càng cao. Cụ thể như giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ nữ trong tổng số chủ nhiệm đề tài KHCN các cấp chiếm tỷ trọng không nhỏ: cấp Bộ GD&ĐT chiếm 27,7%; cấp Đại học Huế chiếm 42,2%; chủ nhiệm đề tài NAFOSTED được phê duyệt giai đoạn 2015-2020 chiếm 30,5% [17]. Nhiều nhà khoa học nữ tham gia các nhóm nghiên cứu mạnh, số lượng nữ là trưởng nhóm nghiên cứu mạnh Đại học Huế đã được công nhận là 11/48 chiếm tỷ lệ 22,9% [20].

Giai đoạn này chứng kiến sự gia tăng đáng kể số lượng công bố khoa học của các nhà khoa học nữ tại Đại học Huế, đặc biệt trong hệ thống WoS/Scopus. Số lượng công bố bài báo quốc tế của nhà khoa học nữ không ngừng tăng lên, cả về chất lượng và số lượng. Nhiều công trình nghiên cứu của nhà khoa học nữ được đăng tải trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước, góp phần nâng cao uy tín học thuật của Đại học Huế. Tỷ lệ trong tổng số bài báo quốc tế uy tín do các nhà khoa học nữ đứng tên được khen thưởng ở cấp Bộ và cấp Đại học Huế chiếm 34,4% (năm 2020). Tỷ lệ nhà khoa học nữ trong top 100 nhà khoa học Đại học Huế có số trích dẫn cao theo Google Scholar (đến 02/2021) chiếm 30% [19].

Bên cạnh đó, nhiều nhà khoa học nữ tham gia các mạng lưới nghiên cứu quốc tế; các dự án Erasmus+, KOICA, VLIR-UOS, hội nghị khoa học quốc tế. Thông qua hoạt động hợp tác quốc tế, nữ nhà khoa học Đại học Huế đã góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu; thúc đẩy quốc tế hóa giáo dục đại học; tăng cường trao đổi học thuật và góp phần mở rộng mạng lưới hợp tác khoa học. Đây là cơ sở quan trọng giúp Đại học Huế từng bước nâng cao vị trí trên các bảng xếp hạng quốc tế. Trong năm 2025, Times Higher Education công bố Bảng xếp hạng đại học thế giới năm 2026, trong đó Đại học Huế tiếp tục duy trì vị trí 1501+ thế giới; QS công bố Bảng xếp hạng Đại học Bền vững QS năm 2026 xếp vị trí 768 thế giới (tăng 733 bậc, so với cùng kỳ năm trước) [21].

4.2.2. Thành tựu về chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nhà khoa học nữ Đại học Huế không chỉ dừng lại ở nghiên cứu hàn lâm mà còn tích cực tham gia ĐMST, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Trong những năm gần đây, đã có nhiều sản phẩm KHCN do nhà khoa học nữ làm chủ nhiệm hoặc đồng tác giả được thương mại hóa, chuyển giao cho doanh nghiệp và địa phương, mang lại lợi ích thiết thực về kinh tế – xã hội.

Trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp và công nghệ sinh học

Nhiều nhà khoa học nữ của Đại học Huế đã triển khai các nghiên cứu có giá trị thực tiễn cao, góp phần phục vụ phát triển nông nghiệp và bảo vệ môi trường trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp, công nghệ sinh học và môi trường, tiêu biểu như: PGS.TS. Đinh Thị Bích Lân đã chủ trì nghiên cứu chế tạo kit chẩn đoán bệnh *Toxoplasma gondii* ở người và gia súc; PGS.TS. Phạm Thị Ngọc Lan và Lê Thị Hà Thanh triển khai ứng dụng vi sinh vật đối kháng trong nuôi tôm nước lợ; PGS.TS. Trương Thị Hồng Hải phát triển chỉ thị phân tử hỗ trợ chọn tạo giống cà chua, ớt kháng bệnh; PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Liên và cộng sự chế tạo bộ kit mPCR chẩn đoán vi khuẩn *Vibrio* gây bệnh hoại tử gan tụy cấp tính trên tôm nuôi... Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu ứng dụng khác do TS. Hoàng Hải Lý, TS. Nguyễn Thị Vân Anh, TS. Nguyễn Thị Thủy Tiên và GS.TS. Hoàng Thị Thái Hòa thực hiện đã cho ra đời các sản phẩm như bột rau má, dầu lạc nguyên chất, phân bón sinh học... Với thành công nghiên cứu của PGS.TS. Hoàng Thị Kim Hồng và các cộng sự về phát triển giống sen Huế đã góp phần giải quyết vấn đề ô nhiễm nguồn nước, khôi phục các giống sen Huế trên hồ Tịnh Tâm, từ đó phát triển mô hình trồng sen trên hệ thống đất hồ và đất ruộng các nơi khác [30]. Các kết quả nghiên cứu này đã được triển khai tại nhiều địa phương và cơ sở sản xuất, giúp giảm tỷ lệ dịch bệnh, nâng cao hiệu quả kinh tế đồng thời tăng khả năng chủ động phòng ngừa rủi ro cho người sản xuất.

Trong lĩnh vực y dược và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Tại Trường Đại học Y – Dược, Đại học Huế, đội ngũ nhà khoa học đã có nhiều đóng góp quan trọng trong nghiên cứu y học, đào tạo nhân lực y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Các công trình nghiên cứu tập trung vào: Dịch tễ học và phòng chống bệnh truyền nhiễm; Y học cộng đồng; Chẩn đoán và điều trị bệnh; Dược liệu và y học cổ truyền; Ứng dụng công nghệ sinh học trong y học. Có thể kể đến các nhà khoa học như: GS.TS. Nguyễn Thị Hoài, PGS.TS. Tôn Nữ Phương Anh, PGS.TS. Ngô Thị Minh Châu và PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Hoa đã đóng góp nhiều nghiên cứu quan trọng về kỹ thuật chẩn đoán bệnh lây truyền qua đường tình dục, chiết xuất xanh hoạt chất từ dược liệu, và biến đổi gen trong tiên lượng bệnh bạch cầu cấp... Với đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu các cây thuốc của đồng bào Pacô – Vân Kiều ở miền Trung”, GS.TS. Nguyễn Thị Hoài và nhóm cộng sự đã thu thập 102 cây thuốc được đồng bào Pa Cô – Vân Kiều ở miền Trung sử dụng để chữa bệnh nhiều loại bệnh khác nhau. Kết quả nghiên cứu cho thấy “các hoạt chất tìm thấy trong cây thuốc có thể ức chế 70 tế bào ung thư, hơn nữa nó lại không có hại với tế bào thường” [23]. Bên cạnh đó, các nhà khoa học nữ đã tham gia tích cực trong hoạt động phòng chống COVID-19, nghiên cứu dịch tễ và hỗ trợ hệ thống y tế thành phố Huế, các tỉnh miền Trung và cả nước trong giai đoạn dịch bệnh diễn biến phức tạp.

Trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn

Đây là lĩnh vực khoa học đặc biệt gắn với vùng đất giàu truyền thống lịch sử và văn hóa đặc sắc của đô thị di sản – Cố đô Huế. Nhà khoa học nữ Đại học Huế đã có nhiều đóng góp

quan trọng trong nghiên cứu lịch sử, văn hóa, giáo dục chính trị, văn học, ngôn ngữ và phát triển con người. Trong đó có các cụm công trình liên quan đến: bảo tồn văn hóa Huế; giáo dục di sản; đổi mới giáo dục đại học; mỹ thuật ứng dụng; phát triển cộng đồng; nghiên cứu lịch sử và văn hóa địa phương, phát triển nguồn nhân lực cao...

Có thể kể đến, PGS.TS. Trần Thị Ngọc Ánh và cộng sự về cụm công trình về ứng dụng công nghệ giáo dục tiên tiến trong dạy học Vật lý và khoa học tự nhiên theo hướng phát triển năng lực học sinh. Ba sản phẩm liên quan đến giáo dục ở bậc đại học về nhu cầu tham vấn tâm lý của học sinh phổ thông, hiệu quả việc giáo dục quyền cho sinh viên, tích hợp Luật sở hữu trí tuệ vào nội dung chương trình môn Giáo dục học và ứng phó với stress của sinh viên Đại học Huế của các tác giả và nhóm tác giả Trường Đại học Sư phạm như tác giả Phạm Thị Thúy Hằng và các nhóm tác giả Nguyễn Phước Cát Tường và cộng sự; Đinh Thị Hồng Vân và cộng sự. PGS.TS. Đỗ Thị Xuân Dung và nhóm cộng sự đã nghiên cứu quyền lực trong tương tác lớp học tiếng Anh trong giáo dục đại học Việt Nam dưới góc độ lý thuyết phân tích diễn ngôn phê phán; từ đó, công trình rút ra những hàm ý ứng dụng cho việc dạy tiếng Anh trong môi trường tiếng Anh được sử dụng như là một ngoại ngữ tại Việt Nam... [13].

Bên cạnh đó, các nhà khoa học nữ của Trường Đại học Nghệ thuật có đóng góp tích cực trong triển lãm như: “Cảm hứng thẩm mỹ từ hoa văn cung đình Huế”; “Diễn xướng cung đình Huế qua tác phẩm mỹ thuật”; “Ký họa di sản Cố đô Huế”; “Mỹ thuật và Di sản”... Một số họa sĩ nữ với các tác phẩm tiêu biểu như Nguyễn Thị Thanh Trà với Logo thủ công mỹ nghệ Huế, Đặng Thị Thu An với tác phẩm “Ngũ sắc”...

Có thể thấy, những công trình trên đã chỉ ra rằng đội ngũ nhà khoa học nữ của Đại học Huế không chỉ đóng vai trò quan trọng trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn mà còn góp phần trực tiếp vào bảo tồn di sản văn hóa Huế, phát triển giáo dục đại học và xây dựng bản sắc học thuật đặc sắc của Huế trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế.

Trong lĩnh vực khoa học tự nhiên

Tiêu biểu có các nhà khoa học như PGS.TS. Nguyễn Thị Ái Nhung, PGS.TS. Trần Thị Ái Mỹ, TS. Đặng Thị Thanh Lộc và TS. Nguyễn Thị Thủy đã tiến hành nghiên cứu các công trình về hoạt chất kháng khuẩn, đánh giá vi nhựa trong thủy sản, công nghệ khử trùng nước và sợi tinh thể quang tử... Với nghiên cứu về các dược liệu truyền thống, PGS.TS. Nguyễn Thị Ái Nhung và các cộng sự đã hướng đến tạo ra các sản phẩm dược dụng có nguồn gốc tự nhiên, đảm bảo an toàn với con người từ các loại dược liệu bản địa tại Việt Nam. Nhóm nghiên cứu đã thương mại hóa thành công một số sản phẩm điều trị bệnh và trà thảo dược. Với kết quả nghiên cứu đạt được PGS.TS. Nguyễn Thị Ái Nhung đã được trao Giải thưởng sáng tạo châu Á năm 2024 vì có những đóng góp quan trọng vào việc nghiên cứu các dược liệu đặc hữu của Việt Nam nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng [27].

4.2.3. Các giải thưởng quốc gia, quốc tế

Với những thành tích nổi bật trong giai đoạn 2012-2025, nhiều nhà khoa học nữ Đại học Huế đã đạt nhiều giải thưởng uy tín quốc gia và quốc tế. Trong giai đoạn từ năm 2016 đến 2024, 11 nhà khoa học nữ nhận “Bằng Lao động sáng tạo” của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam [26]; 3 nhà khoa học nữ nhận giải thưởng “Phụ nữ Việt Nam tự tin tiến bước”, đặc biệt có 06 nhà khoa học nữ đạt các giải thưởng Quốc tế, Quốc gia.

Bảng 2. Thống kê nhà khoa học nữ Đại học Huế đạt các giải thưởng quốc tế, quốc gia

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Đơn vị	Giải thưởng	Năm
1	Đinh Thị Bích Lân	PGS.TS	Viện Công nghệ sinh học, Đại học Huế	Giải thưởng Kovalevskaia	2017
2	Nguyễn Thị Hoài	GS.TS	Trường Đại học Y – Dược	Giải thưởng L’Oréal-UNESCO Vì sự phát triển phụ nữ trong khoa học	2017
3	Phan Thị Phương Nhi	PGS.TS	Trường Đại học Khoa học	Giải thưởng L’Oréal-UNESCO Vì sự phát triển phụ nữ trong khoa học	2020
4	Hà Thị Minh Thi	PGS.TS	Trường Đại học Y – Dược	Giải thưởng Hồ Chí Minh (Đồng tác giả)	2020
5	Hoàng Thị Thái Hòa	PGS.TS	Trường Đại học Nông Lâm	Giải thưởng Kovalevskaia	2023
6	Nguyễn Thị Ái Nhung	PGS.TS	Trường Đại học Khoa học	Giải thưởng sáng tạo châu Á	2024

Nguồn: tổng hợp

Giải thưởng Kovalevskaia, Chương trình L’Oréal – UNESCO Vì sự phát triển phụ nữ trong khoa học (For Women in Science) được dành riêng cho các nhà khoa học nữ nhằm ghi nhận những đóng góp xuất sắc của phụ nữ trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, qua đó vinh danh các công trình nghiên cứu vươn tầm quốc tế. Giải thưởng sáng tạo Châu Á (do Quỹ Toàn cầu Hitachi, Nhật Bản) dành cho các nhà khoa học khu vực ASEAN với các công trình có tính sáng tạo, khả năng ứng dụng thực tế và đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Giải thưởng Hồ Chí Minh là giải thưởng cao quý nhất được Nhà nước ghi nhận, tôn vinh, trao tặng các nhà khoa học, tác giả của các công trình đặc biệt xuất sắc và có giá trị cao về khoa học

và công nghệ, góp phần quan trọng và thiết thực phục vụ sự nghiệp phát triển của đất nước. Các nhà khoa học nữ Đại học Huế đạt các giải thưởng uy tín của quốc tế, quốc gia như trên đã khẳng định uy tín học thuật, góp phần nâng cao vị thế của đội ngũ nhà khoa học nữ trong Đại học Huế và cả nước.

Bên cạnh đó, thành phố Huế đã thường xuyên tổ chức các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật, giải thưởng sáng tạo khoa học và công nghệ cấp tỉnh với hàng nghìn đề tài tham gia và hàng chục đề tài đã đạt giải cao toàn quốc và quốc tế. Thành phố Huế đã tổ chức 8 kỳ tôn vinh trí thức KHCN tiêu biểu và vinh danh 118 nhà khoa học trong hai năm gần đây, số lượng nữ nhà khoa học của Đại học Huế trong tổng số các nhà khoa học được tôn vinh chiếm tỷ lệ 30-40% (năm 2024: 6/15, năm 2023: 5/15) [26]. Năm 2024, Giải thưởng Sáng tạo nữ Cố đô Huế lần thứ I đã vinh danh và trao giải 11/15 công trình/cụm công trình do nữ Đại học Huế chủ trì thực hiện [29].

Những kết quả trên đã khẳng định vai trò và dấu ấn nổi bật của đội ngũ nhà khoa học nữ Đại học Huế trong nghiên cứu, sáng tạo và ứng dụng khoa học phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhà khoa học nữ Đại học Huế được đánh giá cao về sự “dấn thân trong con đường nghiên cứu khoa học, đem lại những công trình hết sức có ý nghĩa, mang lại giá trị thực tiễn cao, khẳng định uy tín, sức sáng tạo của nữ giới thành phố Huế trên bản đồ khoa học của Việt Nam và thế giới” [24]. Họ đã góp phần nâng cao uy tín học thuật, đóng góp sản phẩm ứng dụng thiết thực cho cộng đồng, đồng thời đẩy mạnh chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển kinh tế – xã hội thành phố Huế, khu vực miền Trung. Những thành tựu này không chỉ khẳng định vị thế của nhà khoa học nữ trong Đại học Huế mà còn góp phần thực hiện mục tiêu đưa thành phố Huế trở thành trung tâm KHCN, ĐMST và CDS của cả nước trong thực hiện các chủ trương lớn về phát triển khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và bình đẳng giới.

4.2.4. Các chủ trương, chính sách cụ thể của Đại học Huế

Trong giai đoạn 2012-2025, Đại học Huế đã xây dựng và triển khai hệ thống văn bản, chế độ, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi, thúc đẩy công tác bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ. Đại học Huế đã triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến xây dựng và phát triển đội ngũ nhà khoa học chất lượng. Đối với đội ngũ nữ, Đảng ủy Đại học Huế xác định: “Tăng cường công tác nghiên cứu các văn bản về chính sách liên quan đến bình đẳng giới, công tác phụ nữ, về quyền và lợi ích hợp pháp của phụ nữ, góp phần cải thiện và nâng cao sức khỏe, phát huy trí tuệ, năng lực của phụ nữ trên các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ” [15]. Cụ thể hóa trong thực tiễn, Đại học Huế ban hành “Kế hoạch hành động về bình đẳng giới của Đại học Huế giai đoạn 2017-2020” với mục tiêu “Nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ, tạo điều kiện để thực hiện có hiệu quả quyền cơ bản và phát huy vai trò của cán bộ nữ Đại học Huế, tạo cơ hội tham gia và thụ hưởng bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới” [18]. Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ các cấp của Đại

học Huế và các đơn vị được thành lập, kiện toàn và tổ chức triển khai các nội dung trọng tâm như: phân công lao động nữ hợp lý; áp dụng chính sách nội bộ đảm bảo bình đẳng trong cống hiến và thụ hưởng thành quả phát triển; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà khoa học nữ. Công đoàn Đại học Huế phối hợp với Giám đốc và thủ trưởng các đơn vị xây dựng và triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, đồng thời lồng ghép nội dung bình đẳng giới vào các hoạt động liên quan đến quyền và nghĩa vụ của nhà khoa học nữ [12].

Bên cạnh đó, Đại học Huế đã có những hoạt động ghi nhận, biểu dương những nỗ lực của nhà khoa học nữ đạt thành tích xuất sắc, được vinh danh trong giảng dạy, nghiên cứu và quản lý khẳng định vị thế trong sự nghiệp giáo dục và khoa học. Đại học Huế thành lập Quỹ khen thưởng thành tích xuất sắc trong bồi dưỡng chuyên môn, đào tạo và khoa học công nghệ Đại học Huế “được trích lập nhằm khuyến khích, động viên các cá nhân, tập thể trong Đại học Huế đạt thành tích xuất sắc trong học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, hoạt động khoa học và công nghệ, đạt các giải thưởng và các thành tích đặc biệt khác” [17]. Các hội thảo, tọa đàm chuyên đề về vai trò của nhà khoa học nữ trong đổi mới giáo dục, đào tạo và công tác quản lý được tổ chức định kỳ như: Hội nghị “tuyên dương nữ cán bộ, viên chức có thành tích xuất sắc về nghiên cứu khoa học và sáng kiến kinh nghiệm giai đoạn 2009-2014” (tháng 10/2014); Buổi trưng bày sản phẩm của nữ cán bộ, viên chức tiêu biểu do Công đoàn Đại học Huế (tháng 10/2015), hay tọa đàm “Phụ nữ Việt Nam truyền thống – hiện đại” (tháng 3/2019), “Vai trò của nữ viên chức trong tiến trình xây dựng Đại học Huế thành Đại học Quốc gia” (tháng 3/2024)...

Có thể thấy, trong giai đoạn 2012-2025, Đại học Huế đã thực hiện đồng bộ và xuyên suốt các chủ trương, chính sách về phát triển đội ngũ nhà khoa học nữ từ sự lãnh đạo của Đảng ủy Đại học Huế đến việc triển khai cụ thể của chính quyền và tổ chức công đoàn các cấp. Điều này tạo hành lang pháp lý quan trọng để đội ngũ nhà khoa học Đại học Huế phát triển về số lượng và chất lượng, có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

4.3. Cơ hội, thách thức và đề xuất định hướng

4.3.1. Cơ hội

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học, đội ngũ nhà khoa học nữ có nhiều cơ hội và thuận lợi để phát triển toàn diện cả về chuyên môn, nghiên cứu khoa học lẫn vị thế xã hội. Những cơ hội này được hình thành từ chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, xu thế phát triển giáo dục đại học hiện đại và sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ.

Trước hết, một trong những thuận lợi quan trọng nhất là hệ thống chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện cho đội ngũ nhà khoa học có cơ hội tham gia quản lý, nghiên cứu khoa học, ĐMST và CDS. Qua những thành tựu đạt được của đội ngũ nhà khoa học nữ Đại học Huế trong giai đoạn 2012-2025, có thể thấy sự quan tâm cụ thể

hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo vào thực tiễn Đại học Huế về bình đẳng giới và phát triển đội ngũ nhà khoa học nữ. Đây chính là khung pháp lý và động lực quan trọng để nhà khoa học nữ tiếp tục phát huy năng lực, chuyên môn, vượt qua những khó khăn để tiếp tục gặt hái những thành công trong thời gian tới.

Bước vào kỷ nguyên phát triển mới Đảng và Nhà nước ta tiếp tục khẳng định xác định rõ phát triển KHCN, ĐMST và CDS quốc gia là một trong những động lực chính để phát triển đất nước. Trong đó, “phụ nữ không chỉ là người đồng hành, mà còn phải là lực lượng tiên phong. Đặc biệt, trong kỷ nguyên số, tư duy đổi mới, sự mềm dẻo, khả năng kết nối cộng đồng chính là chìa khóa để thúc đẩy đổi mới thực chất” [27]. Bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hướng đến tự chủ đại học, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và ĐMST, hội nhập quốc tế trong giáo dục tạo ra môi trường thuận lợi để đội ngũ nhà khoa học nữ phát triển chuyên môn, học thuật. Trong môi trường giáo dục hiện đại, đội ngũ nhà khoa học nữ sẽ có nhiều cơ hội tham gia chủ trì đề tài khoa học các cấp, các nhóm nghiên cứu mạnh, công bố quốc tế và các hợp tác liên ngành... Như vậy, vai trò của nhà khoa học nữ rất quan trọng với những lợi thế về giới như sự khéo léo, linh hoạt, chịu khó và khả năng kết nối cộng đồng.

Bên cạnh đó, cuộc cách mạng công nghiệp, chuyển đổi số đã mở rộng cơ hội tiếp cận tri thức dễ dàng hơn nhờ sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), hình thức học tập trực tuyến... Do đó cơ hội để phụ nữ học tập, nghiên cứu trở lên linh hoạt hơn, thuận lợi hơn trong vấn đề cân bằng giữa công tác chuyên môn và công việc gia đình.

Mặt khác, quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học đã tạo điều kiện cho kết nối, tham gia mạng lưới học thuật quốc tế, trao đổi học thuật, tham gia nhiều dự án quốc tế, công bố các bài báo trên tạp chí WoS/Scopus... Các chương trình hợp tác quốc tế ngày càng chú trọng đến yếu tố bình đẳng giới, vai trò của nữ giới trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học, vượt qua những khó khăn, rào cản về đặc trưng giới ngày càng được quan tâm. Cơ chế thúc đẩy bình đẳng giới trở thành một trụ cột phát triển bền vững [8]. Chính những điều này giúp đội ngũ nhà khoa học Việt Nam cũng như Đại học Huế có thêm cơ hội để tiếp cận phương pháp nghiên cứu hiện đại, nâng cao năng lực ngoại ngữ và mở rộng ảnh hưởng học thuật.

Đặc biệt, đội ngũ nhà khoa học nữ Đại học Huế được phát triển năng lực, chuyên môn trong không gian văn hóa Huế đặc sắc, là môi trường nghiên cứu học thuật gắn với những đặc trưng văn hóa. Nhà khoa học nữ ở Huế kế thừa truyền thống hiếu học của phụ nữ Việt Nam nói chung và sự kiên định, thông minh, khéo léo phụ nữ Huế nói riêng. Thực tiễn cho thấy, nhà khoa học nữ Đại học Huế đã không ngừng nỗ lực trong học tập, nghiên cứu và quản lý và đạt được thành tích đáng ghi nhận trong thời gian qua. Đây cũng là những yếu tố nội tại giúp nhà khoa học nữ Đại học Huế phát huy và khẳng định vị thế của mình.

4.3.2. Thách thức

Qua phân tích tỷ lệ phát triển đội ngũ, chúng ta thấy mặc dù số lượng và tỷ lệ nữ giảng viên, nhà khoa học đạt học hàm PGS và GS có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây, phản ánh sự tiến bộ của phụ nữ trong hoạt động nghiên cứu khoa học và giáo dục đại học, song tỷ lệ này vẫn còn thấp so với nam giới. Số lượng nữ giáo sư, phó giáo sư và chuyên gia đầu ngành còn chưa tương xứng với đội ngũ nhà khoa học nữ. Chứng tỏ sự chênh lệch giới vẫn tồn tại ở các vị trí học thuật cao, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ. Đây là một trong những thách thức cần được quan tâm trong chiến lược phát triển đội ngũ nhà khoa học nữ của Đại học Huế trong giai đoạn tới.

Mặt khác, điều đáng chú ý hiện nay là việc khai thác và phát huy tiềm lực nữ trí thức trong nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo chưa đạt hiệu quả cao. Mặc dù số lượng nữ Đại học Huế là TS, PGS và GS ngày càng tăng, nhưng tỷ lệ nữ chủ nhiệm các đề tài khoa học các cấp, số lượng công bố quốc tế và các sản phẩm chuyển giao công nghệ còn tương đối thấp [25]. Điều này cho thấy sự tham gia của nữ trí thức vào các hoạt động nghiên cứu có tính dẫn dắt và tạo ra giá trị khoa học cao vẫn còn một số hạn chế nhất định. Chính vì vậy, cần có các chính sách hỗ trợ phù hợp nhằm phát huy hiệu quả hơn tiềm năng của đội ngũ nhà khoa học nữ, đặc biệt trong sự phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hiện nay.

Một hạn chế khác là các chính sách hỗ trợ và khuyến khích dành riêng cho nữ nhà khoa học chưa thực sự rõ nét, chưa tính đến những đặc thù mà nữ trí thức thường gặp phải trong quá trình phát triển nghề nghiệp. Nguồn lực tài chính, cơ hội tham gia các dự án lớn hoặc chương trình hợp tác quốc tế chưa có sự ưu tiên phân bổ cho nhà khoa học nữ, khiến một bộ phận nhà khoa học nữ gặp khó khăn trong việc khẳng định năng lực. Sự thiếu vắng các cơ chế hỗ trợ đặc thù đã làm giảm khả năng phát huy tiềm năng của một bộ phận nữ nhà khoa học, ảnh hưởng đến cơ hội phát triển nghề nghiệp, nâng cao năng lực nghiên cứu và khẳng định vị thế học thuật trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số hiện nay.

Bên cạnh những rào cản về nguồn lực nghiên cứu, chính sách đặc thù, nhiều nữ nhà khoa học Đại học Huế vẫn chịu tác động của áp lực kép giữa công việc chuyên môn và trách nhiệm gia đình. Việc phải cân đối giữa hoạt động giảng dạy, nghiên cứu với vai trò làm vợ, làm mẹ khiến không ít nhà khoa học nữ gặp khó khăn trong việc dành thời gian cho nghiên cứu chuyên sâu, tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn. Đây là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phát triển nghề nghiệp và khả năng phát huy tối đa tiềm năng nghiên cứu của đội ngũ nhà khoa học nữ.

4.4. Đề xuất định hướng tiếp tục phát huy vai trò nhà khoa học nữ trong bối cảnh mới

4.4.1. Cơ sở đề xuất định hướng

Trên cơ sở phân tích những thuận lợi, thách thức trên, để đề xuất định hướng tiếp tục phát huy vai trò của đội ngũ nhà khoa học nữ trước hết xuất phát từ quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt quan tâm đến sự phát triển của đội ngũ nữ trí thức. Các chủ trương của Đảng, Luật Bình đẳng giới năm 2006, Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 đều khẳng định việc bảo đảm cơ hội bình đẳng cho phụ nữ trong học tập, nghiên cứu khoa học, quản lý và lãnh đạo là yêu cầu tất yếu nhằm phát huy nguồn lực nữ phục vụ phát triển đất nước. Trên phương diện lý luận, các nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho thấy phụ nữ với những lợi thế về giới khi được tạo điều kiện tham gia sâu hơn vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và ĐMST sẽ góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu, đa dạng hóa tư duy học thuật và gia tăng năng lực cạnh tranh của các cơ sở giáo dục đại học.

Về cơ sở thực tiễn, trong giai đoạn 2012-2025, đội ngũ nhà khoa học nữ tại Đại học Huế đã có bước phát triển vượt bậc cả về số lượng, trình độ chuyên môn và năng lực nghiên cứu khoa học. Số lượng nữ giảng viên, nhà khoa học đã đạt học vị tiến sĩ, học hàm PGS; chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; công bố nhiều công trình trên các tạp chí uy tín trong nước và quốc tế. Nhiều nhà khoa học nữ đã đạt các giải thưởng khoa học có giá trị như Giải thưởng L'Oréal-UNESCO Vì sự phát triển phụ nữ trong khoa học, Giải thưởng Kovalevskaia và nhiều giải thưởng chuyên ngành khác. Những thành tựu đó khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của đội ngũ nữ nhà khoa học nữ trong sự phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Đại học Huế.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy vẫn còn nhiều thách thức, hạn chế đặt ra và cần được khắc phục như chúng tôi đã đề cập trên. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học nhằm tạo ra sự phát triển “đột phá” cũng như yêu cầu phát triển Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia, nhu cầu phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao ngày càng trở nên cấp thiết. Chính vì vậy, Đại học Huế cần có các chính sách và giải pháp phù hợp nhằm phát huy tốt hơn vai trò, tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ giảng viên, nhà khoa học nữ, góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và nâng cao vị thế của Đại học Huế trong giai đoạn phát triển mới.

4.4.2. Một số đề xuất mang tính định hướng

Như vậy, có thể khẳng định rằng việc tiếp tục phát huy vai trò của đội ngũ nhà khoa học nữ không chỉ là yêu cầu thúc đẩy bình đẳng giới mà còn là nhiệm vụ quan trọng nhằm phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ chất lượng cao, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học. Trên cơ sở đó, chúng tôi xin đề xuất các định hướng và giải pháp phát triển đội ngũ nhà khoa học nữ Đại học Huế đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục đại học và xây dựng Đại học Huế trở thành Đại học Quốc gia, cụ thể như sau:

Thứ nhất, với sự phát triển vượt bậc của đội ngũ nhà khoa học nữ Việt Nam nói chung, từ góc nhìn trường hợp Đại học Huế, Đảng, Nhà nước cần có sự điều chỉnh “Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030”, nâng số chỉ tiêu về chất lượng đội ngũ nhà khoa học nữ có học vị TS và học hàm PGS trong thời gian tới. Mặt khác, việc thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW (2024) và Nghị quyết 71-NQ/TW (2025) của Bộ Chính trị cần có các cơ chế, chính sách gắn với việc thực hiện bình đẳng giới trong KHCN, ĐMST và CDS, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ nhà khoa học nữ có thể phát huy tiềm lực tốt nhất.

Cụ thể như: cần tăng cường xây dựng các chương trình, đề án riêng hỗ trợ phụ nữ tham gia hoạt động KHCN, ĐMST và CDS, tương tự như các mô hình “Women in STEM” ở nhiều quốc gia. Tăng cường các quỹ tài trợ nghiên cứu dành cho nhà khoa học nữ: Ưu tiên xét chọn các đề tài, dự án do nữ chủ trì; hỗ trợ kinh phí công bố quốc tế; có cơ chế thưởng riêng cho công trình xuất sắc của nữ khoa học [26]; có chính sách hỗ trợ nhà khoa học nữ trong thời gian thai sản, chăm sóc con (dưới 18 tuổi) mà đồng thời thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học.

Thứ hai, thành phố Huế tiếp tục tạo điều kiện, có những chính sách cụ thể cho nhà khoa học nữ Đại học Huế; tiếp tục phát hiện, bồi dưỡng, hỗ trợ, phát triển các nhà khoa học nữ trẻ, tôn vinh các nhà khoa học nữ tài năng gắn liền với từng lĩnh vực; “tăng cường nữ trí thức tham gia các lĩnh vực, ngành nghề có hàm lượng tri thức cao”; “triển khai các giải pháp nhằm tập hợp lực lượng nữ trí thức hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, kết nối nữ trí thức trong và ngoài tỉnh, phát huy tiềm năng, trí tuệ của nguồn nhân lực nữ nhằm nghiên cứu, đề xuất, tham gia phản biện, xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong các lĩnh vực, đặc biệt đối với vấn đề thực hiện bình đẳng giới” [24].

Thứ ba, Đại học Huế cần xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực nữ trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực đáp ứng mục tiêu phát triển thành Đại học Quốc gia, với chỉ tiêu cụ thể về tỷ lệ TS, GS, PGS là nữ; có chính sách khuyến khích giảng viên nữ tham gia học tập sau ThS, nghiên cứu sinh ở nước ngoài, khuyến khích tăng nhà khoa học nữ có học hàm GS; mạnh dạn quy hoạch, bổ nhiệm nhà khoa học nữ vào các vị trí quản lý, lãnh đạo trường đại học, khoa, viện, trung tâm nhằm phát huy vai trò dẫn dắt và tạo động lực lan tỏa; phát triển môi trường CDS: xây dựng hệ thống học liệu số, cơ sở dữ liệu nghiên cứu, nền tảng học tập trực tuyến, giúp nhà khoa học nữ dễ dàng tiếp cận và ứng dụng công nghệ mới trong giảng dạy và nghiên cứu.

Thứ tư, đối với nhà khoa học nữ Đại học Huế tiếp tục phát huy truyền thống và thành tựu đạt được về KHCN, ĐMST trong giai đoạn 2012-2025. Nhà khoa học nữ cần rèn luyện kỹ năng quản lý thời gian, tranh thủ sự hỗ trợ của tập thể và gia đình, qua đó duy trì sự bền bỉ và hiệu quả trong nghiên cứu. Bên cạnh đó, nhà khoa học nữ cần chủ động tham gia các khóa đào tạo chuyên môn, ngoại ngữ, kỹ năng số; đăng ký đề tài ứng dụng, thương mại hóa sản phẩm

ngiên cứu; kết nối với doanh nghiệp và địa phương để tạo ra các sản phẩm có giá trị thực tiễn; cập nhật xu hướng nghiên cứu và công nghệ mới để nâng cao năng lực hội nhập quốc tế.

5. Kết luận

Trong giai đoạn 2012-2025, đội ngũ nhà khoa học nữ của Đại học Huế đã phát triển nhanh cả về quy mô và chất lượng, đánh dấu một giai đoạn phát triển quan trọng trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học và phát triển khoa học công nghệ. Đội ngũ nhà khoa học nữ đã khẳng định vai trò chủ chốt trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, qua đó tạo ra những công trình, sản phẩm ứng dụng thiết thực phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục đại học và vị thế của Đại học Huế trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, đội ngũ nhà khoa học nữ vẫn phải đối diện với không ít khó khăn, đòi hỏi từ sự nỗ lực của đội ngũ trí thức và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, thành phố Huế và Đại học Huế để tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển. Trong bối cảnh hiện nay, Đảng và Nhà nước có những chủ trương, chính sách “đột phá” về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, việc phát huy tiềm năng của đội ngũ nhà khoa học nữ sẽ là tiền đề quan trọng trong sự phát triển của Đại học Huế, giáo dục – đào tạo và sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, cả nước./.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Đại học Huế đã tài trợ kinh phí để thực hiện nghiên cứu này. (Mã số đề tài: DHH2024-08-1)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2008). *Nghị quyết 27-NQ/TW, ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, tr.1.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2012). *Nghị quyết 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, tr.2.
3. Bộ Chính trị (2007). *Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
4. Bộ Chính trị (2019). *Nghị quyết số 54-NQ/TW, ngày 10/12/2019 về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

5. Bộ Chính trị (2024). *Nghị quyết 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
6. Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Quyết định số 383/QĐ-BGDĐT, ngày 26/01/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động về bình đẳng giới của ngành Giáo dục giai đoạn 2021-2030*.
8. BSA (2026). *Nữ trí thức Việt Nam, Câu hỏi khoa học và bình đẳng giới trong kỷ nguyên mới*. Truy cập tại: <https://gearsvietnam.vn/tin-tuc/nu-tri-thuc-viet-nam-cau-noi-khoa-hoc-va-binh-dang-gioi-trong-ky-nguyen-moi/> (ngày truy cập: ngày 28/5/2026).
9. Chính phủ (2001). *Luật số 34/2018/QG14, ngày 19/11/2018 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*, tr.1.
10. Chính phủ (2021). *Nghị quyết số 28/NQ-CP, ngày 03/3/2021 ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021–2030*, tr.2.
11. Chính phủ (2022). *Nghị định số 109/2022/NĐ-CP quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học*.
12. Công đoàn Đại học Huế (2020). *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Phong trào “Giải việc trường – Đảm việc nhà” giai đoạn 2016-2020*.
13. Đỗ Thị Xuân Dung (2024). *“Quyền lực trong tương tác lớp học tiếng Anh trong giáo dục đại học ở Việt Nam dưới góc độ lý thuyết phân tích diễn ngôn phê phán”*. Công trình dự thi và đạt giải Nhất Hội thi Sáng tạo kỹ thuật Tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2024. Truy cập tại: <https://husta.vn/cong-trinh-de-tai/quyen-luc-trong-tuong-tac-lop-hoc-tieng-anh-trong-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam-duoi-goc-do-ly-thuyet-phan-tich-dien-ngon-phe-phan/> (ngày truy cập: 18/01/2026).
14. Luận Thùy Dương (2018). *Phát huy vai trò của nữ trí thức Việt Nam trong xu thế phát triển khoa học – công nghệ và hội nhập quốc tế*. Truy cập tại: https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/821040/phat-huy-vai-tro-cua-nu-tri-thuc-viet-nam-trong-xu-the-phat-trien-khoa-hoc---cong-nghe-va-hoi-nhap-quoc-te.aspx (ngày truy cập: 15/7/2025).
15. Đảng ủy Đại học Huế (2022). *Báo cáo số 58-BC/ĐU, ngày 28/4/2022 tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị (Khóa X) về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
16. Đảng ủy Đại học Huế (2024). *Chương trình số 20-CTr/ĐU, ngày 06/5/2025 về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá khoa học, công nghệ, khoa học – công nghệ và chuyển đổi số quốc gia tại Đại học Huế*, tr.3.

17. Đại học Huế (2021). *Quyết định số 72/QĐ-ĐHH, ngày 21-01-2021 ban hành Quy định về quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng thành tích xuất sắc trong bồi dưỡng chuyên môn, đào tạo và khoa học công nghệ Đại học Huế*, tr.1.
18. Đại học Huế (2017). *Kế hoạch số 765/KH-ĐHH, ngày 19/6/2017 về hành động bình đẳng giới của Đại học Huế giai đoạn 2017-2020*.
19. Đại học Huế (2021). *Phụ nữ Đại học Huế với hoạt động khoa học và công nghệ qua một vài số liệu thống kê*. Truy cập tại: <https://hueuni.edu.vn/portal/vi/index.php/News/phu-nu-dai-hoc-hue-voi-hoat-dong-khoa-hoc-va-cong-nghe-qua-mot-vai-so-lieu-thong-ke.html> (ngày truy cập: 05/9/2025).
20. Đại học Huế (2025). *Danh sách các nhóm nghiên cứu mạnh Đại học Huế*. Truy cập tại: <https://hueuni.edu.vn/portal/vi/index.php/News/danh-sach-cac-nhom-nghien-cuu-manh-dai-hoc-hue.html> (ngày truy cập: 13/9/2025).
21. Đại học Huế (2026). *Mười sự kiện nổi bật của Đại học Huế năm 2025*. Truy cập tại: <https://hueuni.edu.vn/portal/vi/index.php/News/10-su-kien-noi-bat-cua-dai-hoc-hue-nam-2025.html> (ngày truy cập: 06/5/2026).
22. Đại học Huế (2025). *Thống kê từ Ban Tổ chức cán bộ Đại học Huế*.
23. Đỗ Hạnh (2018). *Giáo sư khi 35 tuổi và cây thuốc chữa ung thư*. Truy cập tại: <https://tienphong.vn/giao-su-khi-35-tuoi-va-cay-thuoc-chua-ung-thu-post1003657.tpo> (ngày truy cập: 19/01/2026).
24. Công Hậu, Thu Mai (2024). *Ghi nhận sự đóng góp của đội ngũ nữ trí thức Thừa Thiên Huế*. Truy cập tại: <https://nhandan.vn/ghi-nhan-su-dong-gop-cua-doi-ngu-nu-tri-thuc-thua-thien-hue-post799249.html> (ngày truy cập: 13/9/2025).
25. Hội Liên hiệp Phụ nữ Thừa Thiên Huế (2021). *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Thừa Thiên Huế nhiệm kỳ 2021-2026*.
26. Võ Trần Ngọc Minh, Hoàng Chí Hiếu, Nguyễn Đình Phương (2024). *Nữ trí thức Đại học Huế với công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ trong tiến trình phát triển Đại học Huế thành Đại học Quốc gia, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Đại học Huế 30 năm tái lập và phát triển thành Đại học Quốc gia (1994-2024)”*.
27. Mai Nguyễn (2025). PGS.TS. Nguyễn Thị Ái Nhung: *Tạo được liệu quý từ cây thuốc đặc hữu Việt Nam*. Truy cập tại: <https://vusta.vn/pgsts-nguyen-thi-ai-nhung-tao-duoc-lieu-quy-tu-cay-thuoc-dac-huu-vn-p93436.html> (ngày truy cập ngày 21/01/2026).
28. Trà My (2025). *Dấu ấn trí tuệ của nhà khoa học nữ Việt Nam và khát vọng bứt phá trong kỷ nguyên mới*. Truy cập tại:

<https://nguoidothi.net.vn/dau-an-tri-tue-cua-nha-khoa-hoc-nu-viet-nam-va-khat-vong-but-pha-trong-ky-nguyen-moi-49656> (ngày truy cập: 01/10/2025).

29. Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (2024). *Quyết định số 2585/QĐ-UBND, ngày 08/10/2024 về việc tặng thưởng Giải thưởng Sáng tạo nữ Cố đô Huế lần thứ I.*
30. Tường Vi (2021). *Nữ giảng viên Đại học Huế gieo mầm đam mê nghiên cứu khoa học.*

Truy cập tại: <https://baocaovien.vn/tin-tuc/nu-giang-vien-dai-hoc-hue-gieo-mam-dam-me-nghien-cuu-khoa-hoc/20357.html> (ngày truy cập: 19/01/2026).